

Bản án số: 73/2023/DS-ST
Ngày: 26/6/2023
V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL - TP.CẦN THƠ**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Lê Thanh Khiêm
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
 1. Ông Lý Hồng Hạnh
 2. Ông Lý Văn Til
- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Văn Tường**, thư ký Tòa án nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL tham gia phiên tòa:** ông Phạm Hoài Hận- Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2020/TLST – DS ngày 26 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 270/2023/QĐST – DS ngày 24 tháng 5 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 313/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** bà **Võ Kim D**, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp TBA3, xã TT, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà D: ông Phạm Hồng Th, luật sư thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

- **Bị đơn:** ông **Võ Văn H**, sinh năm 1954. Địa chỉ: ấp TBA3, xã TT, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của ông H: ông Võ Văn Tr, sinh năm 1978 (văn bản ủy quyền ngày 11/5/2023).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông H: bà Huỳnh Thu Ng, luật sư thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Trịnh Văn G (G)**, sinh năm 1959; có đơn xin giải quyết vắng mặt.
2. Bà **Đinh Võ Như Q**, sinh năm 1990. Cùng địa chỉ: ấp TBA3, xã TT, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

3. Ông **Võ Văn Tr**, sinh năm: 1978. Địa chỉ: ấp TBA3, xã TT, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung đề ngày 27/4/2020 cũng như trong quá trình giải quyết nguyên đơn trình bày:

Vào năm 1989 bà với ông Đinh Thanh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện OM(cũ) cưới xong bà với ông H về sống chung tại địa chỉ ngày nay là ấp TBA3, xã TT, huyện TL, thành phố Cần Thơ. Phần đất đang tranh chấp được xác định tại thửa đất số 68 ban đầu là của anh chồng bà là ông Trịnh Văn G (G) được Ủy ban nhân dân huyện OM(cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/7/1991, do thửa đất của ông G là đất 2L mà chiều ngang quá nhỏ, không tiện cho sản xuất nên ông G và hộ có đất sát bên là ông Võ Văn H thỏa thuận đổi đất để tăng chiều ngang có làm giấy tay (tờ giao kèo ngày 31/10/1991), cụ thể ông H được sử dụng hết chiều ngang phía trước thửa 68(của ông G) công với hết chiều ngang đất phía trước của ông H (là trở ra trước giáp mương lộ trại giam B4 hiện nay), đồng thời từ đầu thửa đất số 68 cùng với thửa đất của ông H chạy vô trong khoảng 50m là do ông G quản lý sử dụng.

Hai bên thống nhất làm “tờ giao kèo đổi đất và thỏa thuận về mương dẫn nước ngày 31/10/1991”, trong tờ giao kèo này được ghi nhận rất rõ ràng là hai bên đồng ý đổi đất tại thửa 68, ông H chịu trách nhiệm đào con mương tại thửa 68 sát ranh với đất ông H là cha ông G và ông G được trọn quyền sử dụng con mương. Đến ngày 16/7/2002 ông G ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của thửa đất số 68 lại cho ông Đinh Văn H là chồng bà D đến năm 2004 hộ ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, ngày 02/11/2015 ông H(cha ông H mất), ngày 29/11/2015 ông H bệnh mất, ngày 06/5/2016 bà Th mẹ ông H, bà D và Như Q có văn bản thỏa thuận phân chia di sản của ông Đinh Thanh H và ngày 18/01/2018 bà Th mẹ ông H có “văn bản từ chối nhận di sản đối với 04 loại tài sản theo điểm a,b, c,d của Văn phòng công chứng, trong đó có tài sản là thửa đất số 68 đất tọa lạc tại ấp TBA3, xã TT, huyện TL, thành phố Cần Thơ. Nay bà Võ Kim D yêu cầu ông Võ Văn H phải tháo dỡ lưới B40 đã rào phần mương dẫn nước để trả lại cho bà quản lý sử dụng theo “tờ giao kèo ngày 31/10/1991” do thửa đất 68 đã chuyển thừa kế cho bà.

Bị đơn ông Võ Văn H thì cho rằng:

Về nguồn gốc đất: trước đây vào năm 1991 ông có lấy thửa đất số 69 thuộc quyền sử dụng đất của ông để đổi đất một phần đất với thửa đất số 68 của ông Trịnh Văn G để mỗi người được một đầu trong và một đầu ngày cho rộng chiều ngang để dễ canh tác, ông làm vườn còn ông G làm ruộng và ông có hứa cho ông G dẫn đường nước nhờ cặp mương ranh ông và giáp cùng ranh mương của ông Đinh Văn H chiều dài ra khoảng 45m thì đường nước quẹo qua ông H. Sau thời gian ông G bán lại đất cho bà Võ Kim D và ông không hay biết chuyện này nhưng ông vẫn cho bà D dẫn đường nước bình thường.

Nay bà Võ Kim D yêu cầu ông phải tháo dỡ lưới B40 đã rào phần mương dẫn nước để trả lại cho bà quản lý sử dụng theo “tờ giao kèo ngày 31/10/1991” do thửa đất 68 đã chuyển thừa kế cho bà. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà D vì ông cho rằng hàng rào do ông xây dựng nằm trên phần đất của ông chứ ông không rào trên phần đất của bà D.

Đồng thời ông có đơn yêu cầu phản tố đề ngày 11/5/2023 ông không chấp nhận yêu cầu đòi lại đất của bà Võ Kim D. Ông yêu cầu được tiếp tục sử dụng phần đất tại thửa 68 theo bản trích đo địa chính do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường lập ngày 04/3/2021 tại điểm (A) có diện tích là 1.543,7m² do đất này ông đã đổi với ông Trịnh Văn G tại thửa 69 vào ngày 31/10/1991, diện tích đất tại điểm (D) là 1.389,5m² có tờ giao kèo và ông sử dụng liên tục cho đến nay, sau này vào ngày 16/7/2002. Sau này vào ngày 16/7/2002 bà D mới chuyển nhượng đất của ông G, ông G đang sử dụng thực tế là đất đã đổi rồi.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Trịnh Văn G (G) trình bày tại biên bản hòa giải ngày 27/ 8/2020: ngày 31/10/1991 ông và ông Võ Văn H do diện tích đất chiều ngang nhỏ nên có thỏa thuận với nhau ông H sử dụng phần đất phía ngoài, còn ông G sử dụng phần đất phía trong. Ông H có trách nhiệm đào con mương chiều ngang 1,5m dài hết phần đất, sau 01m, chiều dài hết đất.

Bà Nguyễn Thị Th trình bày tại bản tự khai ngày 27/4/2020: Phần đất đang tranh chấp được xác định tại thửa đất số 68 ban đầu là của ông Trịnh Văn G (G) con rể bà được Ủy ban nhân dân huyện OM(cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/7/1991, do thửa đất của ông G là đất 2L mà chiều ngang quá nhỏ, không tiện cho sản xuất nên ông G và hộ có đất sát bên là ông Võ Văn H thỏa thuận đổi đất để tăng chiều ngang có làm giấy tay (tờ giao kèo ngày 31/10/1991). Năm 2002 ông G ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của thửa đất số 68 lại cho ông Đinh Văn H, sau khi ông H mất, ngày 06/5/2016 bà, bà D và Như Q có văn bản thỏa thuận phân chia di sản của ông Đinh Thanh H và ngày 18/01/2018 bà Th mẹ ông H có “văn bản từ chối nhận di sản đối với 04 loại tài sản theo điểm a,b, c,d của Văn phòng công chứng, nay bà yêu cầu ông H phải tháo dỡ lưới B40 đã rào phần mương dẫn nước để trả lại cho bà D quản lý “ theo tờ giao kèo ngày 31/10/1991”.

Bà Đinh Võ Như Q trình bày tại bản tự khai ngày 27/4/2020: Phần đất đang tranh chấp được xác định tại thửa đất số 68 ban đầu là của ông Trịnh Văn G (G) ông được Ủy ban nhân dân huyện OM(cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/7/1991, do thửa đất của ông G là đất 2L mà chiều ngang quá nhỏ, không tiện cho sản xuất nên ông G và hộ có đất sát bên là ông Võ Văn H thỏa thuận đổi đất để tăng chiều ngang có làm giấy tay (tờ giao kèo ngày 31/10/1991). Năm 2002 ông G ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của thửa đất số 68 lại cho cha bà là ông H, năm 2015 cha bà bệnh mất, ngày 06/5/2016 bà, bà D và bà Th có văn bản thỏa thuận phân chia di sản của ông Đinh Thanh H và ngày 18/01/2018 bà Th có “văn bản từ chối nhận di sản đối với 04 loại tài sản theo điểm a,b, c,d của Văn phòng công chứng, nay bà yêu cầu ông H phải tháo dỡ lưới B40 đã rào phần mương dẫn nước để trả lại cho bà D quản lý “ theo tờ giao kèo ngày 31/10/1991”.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà Võ Kim D yêu cầu ông Võ Văn H phải tháo dỡ toàn bộ hàng rào đã rào trên đường dẫn nước theo “tờ giao kèo ngày 31/10/1991”, đồng thời yêu cầu ông H phải đổi lại diện tích đất trả lại đất cho bà theo hiện trạng đất mà bà được cấp trên giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 68, tờ bản đồ số 5 đất tọa lạc tại ấp TBA3, xã TT, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

Đại diện bị đơn ông Võ Văn Tr không đồng ý tháo dỡ hàng rào theo yêu cầu của nguyên đơn, ông vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố đề nghị được tiếp tục sử dụng phần đất đã đổi với ông G trước đó theo “tờ giao kèo 31/10/1991”

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Võ Như Q trình bày thống nhất với ý kiến của nguyên đơn bà D yêu cầu trả lại đất cho gia đình bà theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày những lập luận và căn cứ để yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bởi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa được điều chỉnh giữa các bên nên vẫn còn hiệu lực.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp bị đơn trình bày không đồng ý yêu cầu tháo dỡ hàng rào và yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho phía ông H theo đơn yêu cầu phản tố.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, những người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý cũng như tại phiên toà. Toà án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết, tư cách những người tham gia tố tụng. Tuy nhiên có vi phạm về thời hạn đưa vụ án ra xét xử đề nghị khắc phục.

Về nội dung: đề nghị không chấp nhận yêu cầu thay đổi yêu cầu bị đơn phải giữ đúng vị trí mà các bên được cấp giấy chứng nhận. Việc thay đổi này, nguyên đơn không có đơn và cũng không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn tháo dỡ hàng rào lưới B40 trên quyền sử dụng đất nên đây là vụ án tranh chấp về quyền sử dụng đất giữa cá nhân với cá nhân được pháp luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* vụ kiện được thụ lý, giải quyết đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Th, bà Đinh Võ Như Q, ông Trịnh Văn G (G) có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Th, ông G (G).

[3] *Xét yêu cầu của nguyên đơn,* bà D yêu cầu ông H phải tháo dỡ lưới B40 đã rào trên phần nương dẫn nước để trả lại cho bà D quản lý “theo tờ giao kèo ngày 31/10/1991”. Hội đồng xét xử thấy rằng trong tờ giao kèo mà ông H đã ký tên có nội dung “về phía đường nước ông H phải chịu trách nhiệm đào con

mương: ngang 1m5 (một mét năm) dài nguyên phần đất, sâu 1m (một mét) đáy 0m8 (tám tấc) sau khi đào xong con mương thì ông H được sử dụng phần bờ còn ông G được trọn quyền sử dụng con mương để đưa nước vào ruộng mà ông H không được đắp đập” đối chiếu với biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/3/2023 thì trên phần đất tranh chấp tại ranh giới giữa thửa 68 và thửa 69 tờ bản đồ số 5 ấp TBA3, xã TT, huyện TL, thành phố Cần Thơ có hàng rào lưới B40 do ông Võ Văn H xây dựng và đang sử dụng có chiều dài 76m, cao 1,2m, trụ đá. Tại phần ranh giữa vị trí A + C và vị trí B + D có hàng rào lưới B40 do ông xây dựng có chiều dài 16,5m, cao 1,2m trụ đá. Do đó việc ông H tự ý xây dựng hàng rào bằng lưới B40 nằm giữa phần mương nước là trái với thỏa thuận của các bên trước đó.

Từ những chứng cứ nêu trên, căn cứ vào lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Đối với đơn yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà Võ Kim D vào ngày 11/6/2023 và tại phiên tòa: Bà yêu cầu ông H phải chuyển đổi đất trả lại hiện trạng đất mà bà được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 68. Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết bà D không có đơn khởi kiện bổ sung đối với vấn đề này. Sau khi tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử bà D mới có đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện là vượt quá phạm vi khởi kiện lúc ban đầu, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] *Xét yêu cầu phản tố của bị đơn:* Ông yêu cầu được tiếp tục sử dụng phần đất tại thửa 68 theo bản Trích đo địa chính do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường lập ngày 04/3/2021 tại điểm (A) có diện tích là 1.543,7m² do đất này ông đã đổi với ông Trịnh Văn G tại thửa 69 vào ngày 31/10/1991, diện tích đất tại điểm (D) là 1.389,5m² có tờ giao kèo và ông sử dụng liên tục cho đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng, giữa ông H và ông G (G) đã thực hiện giao kết hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất theo “tờ giao kèo ngày 31/10/1991” tuy các bên không thực hiện thủ tục công chứng, chứng thực theo quy định nhưng ông H và ông G đã giao kết một cách tự nguyện và đã bàn giao phần diện tích đất trên thực tế, các bên đã sử dụng đất xuyên suốt, ổn định từ năm 1991 đến nay. Đến năm 2002 ông G chuyển nhượng lại phần đất mà ông đã đổi với ông H lại cho ông Đinh Văn H nhưng phía hộ ông H, bà D đồng ý mua phần đất thực tế ông G đã đổi, hộ ông H bà D vẫn tiếp tục sử dụng, không có ý kiến về việc đổi đất giữa ông H với ông G. Hội đồng xét xử có cơ sở xem xét công nhận hợp đồng chuyển đổi đất được giao kết giữa ông Võ Văn H với ông Trịnh Văn G (G) có hiệu lực pháp luật nên yêu cầu phản tố của ông Võ Văn H được chấp nhận.

[5] *Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:* nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 6.000.000đồng (đã chi xong), do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bà D, ông H mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ông H có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà D 3.000.000đồng.

[6] *Về án phí:* nguyên đơn bà Võ Kim D phải chịu 300.000đồng án phí. Bị đơn ông Võ Văn H được miễn nộp án phí theo quy định do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 169, khoản 2 Điều 170, Điều 693 Bộ luật dân sự 2005; Điều 2; Điều 73; Điều 79 Luật đất đai năm 1993; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Kim D.

Buộc ông Võ Văn H phải tháo dỡ hàng rào lưới B40 nằm giữa thửa đất số 68 và thửa đất số 69 tờ bản đồ số 5 ấp TBA3, xã TT, huyện TL, thành phố Cần Thơ có chiều dài 76m, cao 1,2m, giữ nguyên trụ đá. Tại phần ranh giữa vị trí A + C và vị trí B + D có hàng rào lưới B40 do ông xây dựng có chiều dài 16,5m, cao 1,2m giữ nguyên trụ đá. Bà D không phải hỗ trợ chi phí tháo dỡ hàng rào cho ông H.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Võ Văn H.

Công nhận hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa ông Võ Văn H với ông Trịnh Văn G (G) có hiệu lực pháp luật, ông Võ Văn H được quyền sử dụng toàn bộ diện tích 1543,7m² đất cùng cây trồng trên đất tại vị trí Cột A của thửa đất số 68, tờ bản đồ số 05 do bà D đứng tên và diện tích 1882,7m² đất tại vị trí Cột C của thửa đất số 69 tờ bản đồ số 05 do ông H đứng tên, đất tọa lạc tại ấp TBA3, xã TT, huyện TL, thành phố Cần Thơ theo bản Trích đo địa chính số 18 lập ngày 04 tháng 3 năm 2021 của trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ (Đính kèm).

Đương sự được quyền liên hệ Cơ quan chức năng có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới theo quy định pháp luật.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ bà D chịu 3.000.000đồng, ông H chịu 3.000.000đồng. Ông H có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà D 3.000.000đồng.

Về án phí: bà Võ Kim D phải nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 015668 ngày 05/6/2020 thành án phí. Ông Võ Văn H được miễn nộp án phí theo quy định do là người cao tuổi.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- VKSND H. TL;
- Thi hành án H. TL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

Lê Thanh Khiêm

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

CÁC HỘI THẨM

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Hồng Hạnh Lý Văn Til

Lê Thanh Khiêm